

Số: **10346** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **02** tháng 11 năm 2016

V/v áp dụng thuế suất thuế XK đối  
với hàng hóa xuất khẩu để gia công

Kính gửi: Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lời công văn số 2818/HQHCM-TXNK ngày 17/10/2016 của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh về vướng mắc liên quan đến thủ tục hải quan và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công là tài nguyên khoáng sản, sản phẩm chế biến từ tài nguyên, khoáng sản, phế phẩm, phế liệu kim loại, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

### 1. Về điều kiện xuất khẩu khoáng sản

Căn cứ để xuất khẩu khoáng sản thực hiện theo quy định tại Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2010 của Chính phủ; Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21/12/2012 và Thông tư số 12/2016/TT-BTC của Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản và công văn hướng dẫn số 1387/GSQL-GQ1 ngày 17/10/2016 của Cục Giám sát quản lý về hải quan.

### 2. Về chính sách thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ thì "*Hàng hóa xuất khẩu để gia công là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên và hàng hóa xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế xuất khẩu*". Theo đó, hàng hóa xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì **không được miễn thuế xuất khẩu**.

### 3. Về áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu

3.1 Đối với các tờ khai xuất khẩu nêu tại công văn số 2818/HQHCM-TXNK của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh

Ngày 12/10/2016, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 9744/TCHQ-TXNK hướng dẫn tạm thời việc khai báo và áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại Nghị định số 134/NĐ-CP và Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ.

Qua kiểm tra trên Hệ thống đối với các tờ khai xuất khẩu nêu tại công văn số 2818/HQHCM-TXNK của Cục Hải quan TP. HCM, doanh nghiệp khai báo mã số cấp độ 8 số và không thực hiện khai báo thuế suất thuế xuất khẩu đối với các mặt hàng gồm nhôm, kẽm, phế liệu, mảnh vụn đồng, nhôm. Tuy nhiên, theo quy định tại Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 122/2016/NĐ-

**HỎA TỐC**

CP, các mặt hàng này phải được khai báo mã số cấp độ 10 số và áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu tương ứng (Phụ lục kèm theo).

3.2. Đối với mặt hàng xuất khẩu để gia công là “Phế liệu, phế phẩm kim loại, kim loại dạng thỏi hoặc viên được sản xuất từ phế liệu, phế phẩm kim loại” đã được quy định cụ thể tên và mức thuế suất thuế xuất khẩu tại Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ thì người nộp thuế phải kê khai mã hàng và mức thuế suất thuế xuất khẩu quy định.

4. Để thực hiện đúng quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Khoản 1 Điều 11 Nghị định 134/2016/NĐ-CP và Nghị định 122/2016/NĐ-CP Tổng cục Hải quan yêu cầu Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh:

(i) Yêu cầu doanh nghiệp khai bổ sung thuế xuất khẩu và thực hiện nộp thuế đối với các tờ khai đăng ký từ ngày 1/9/2016 theo loại hình xuất khẩu để gia công chi tiết tại phụ lục đính kèm và các tờ khai tương tự khác. Thời hạn nộp thuế là ngày đăng ký tờ khai bổ sung.

(ii) Hướng dẫn doanh nghiệp khai báo và áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu đối với loại hình xuất gia công theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, văn bản hướng dẫn số 9744/TCHQ-TXNK ngày 12/10/2016 của Tổng cục Hải quan.

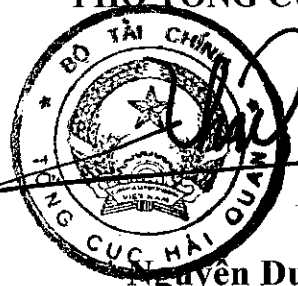
(iii) Báo cáo kết quả khai bổ sung, nộp thuế xuất khẩu về Tổng cục Hải quan (Cục Thuế XNK) trước ngày 20/11/2016. Gửi trước bản scan đã ký, đóng dấu và file mềm về địa chỉ e-mail: phongphanloai@customs.gov.vn (Tiêu đề: Thuế xuất khẩu gia công – Cục HQ...).

Tổng cục Hải quan thông báo để Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh biết và thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Đỗ Hoàng Anh Tuấn (để báo cáo);
- Vụ Chính sách thuế - Bộ Tài chính;
- Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố (để th/hiện);
- Cục CNTT và TK HQ; Cục Quản lý rủi ro; Cục Giám sát quản lý; Cục KTSTQ (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, TXNK-PL-Đương (3b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Dương Thái



## Phụ lục

**DANH SÁCH CÁC TỜ KHAI XUẤT KHẨU ĐỂ GIA CÔNG CHƯA KHAI  
BẢO THUẾ XUẤT KHẨU THEO BÁO CÁO TẠI CÔNG VĂN SỐ 2818/HQHCM-  
TXNK NGÀY 17/10/2016 CỦA CỤC HẢI QUAN TP HỒ CHÍ MINH**  
(kèm theo công văn số **10346** /TCHQ-TXNK ngày 02/11/2016)

Tờ khai	Ngày	Tên hàng	Mã số khai báo
301001396050 E 82	21/09/2016	Kẽm hợp kim dạng thỏi	7901.12.00
301000599120 E 82	21/09/2016	Nhôm hợp kim dạng thỏi	7601.20.00
301026450560 E 82	10/10/2016	Nhôm hợp kim dạng viên	7601.20.00
301026498161 E 82	10/10/2016	Nhôm hợp kim dạng thỏi	7601.20.00
301021999150 E 82	06/10/2016	Nhôm hợp kim dạng viên	7601.20.00
301022667100 E 82	06/10/2016	Nhôm phế liệu và mảnh vụn được ép thành khối	7602.00.00
300981902011 E 82	07/09/2016	Kẽm hợp kim dạng thỏi	7901.12.00
300982479840 E 82	08/09/2016	Mảnh vụn đồng	7404.00.00

**QUY ĐỊNH VỀ MỨC THUẾ SUẤT THUẾ XUẤT KHẨU TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ  
122/2016/NĐ-CP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC MẶT HÀNG CHI TIẾT TẠI CÁC TỜ  
KHAI NÊU TRÊN**

### 1. Đối với mặt hàng Nhôm chưa gia công (Nhóm 7601)

STT	Mã hàng	Mô tả	Thuế suất (%)
<b>168</b>	<b>76.01</b>	<b>Nhôm chưa gia công.</b>	
	7601.20.00	- Hợp kim nhôm :	
	7601.20.00.10	- - Dạng thỏi	10
	7601.20.00.90	- - Loại khác	5

*Thư*

2. Đối với mặt hàng Kẽm chưa gia công (Nhóm 7901)

STT	Mã hàng	Mô tả	Thuế suất (%)
188	79.01	<b>Kẽm chưa gia công.</b>	<b>Thuế suất XK (%)</b>
	7901.12.00	- - Có hàm lượng kẽm dưới 99,99% tính theo trọng lượng:	
	7901.12.00.10	- - - Dạng thỏi	10
	7901.12.00.90	- - - Loại khác	5

3. Đối với mặt hàng Phế liệu, mảnh vụn kim loại đồng, nhôm

STT	Mã hàng	Mô tả	Thuế suất (%)
147	74.04	<b>Phế liệu và mảnh vụn của đồng.</b>	
	7404.00.00.10	- Phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột đẽo của đồng, đã hoặc chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó	22
	7404.00.00.90	- Loại khác	22
169	76.02	<b>Phế liệu và mảnh vụn nhôm.</b>	
	7602.00.00.10	- Phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột đẽo của nhôm, đã hoặc chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó	20
	7602.00.00.20	- Loại khác	22

*Thanh*